



Master Investment Policy

Chính sách Đầu tư Tổng thể

Vietnam Liability and Surplus Segments (the
"Division")

Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ ("Danh mục")

Table of Contents

Introduction.....	1
1 Investment Strategies.....	1
1.1 Target Return Investment Strategy Segments	1
1.1.1 Vietnam Par - Post 2006.....	2
1.1.2 Vietnam Par - Pre 2006	2
1.1.3 Vietnam Pension	3
1.1.4 Vietnam Non Par.....	3
1.2 Surplus Investment Strategy Segments	4
1.2.1 Vietnam Surplus USD	5
1.2.2 Vietnam Surplus VND	5
2 Investment Management	6
2.1 Fixed Income Benchmarks.....	6
2.1.1 Government Bonds	7
2.1.2 Public Bonds.....	8
2.1.3 Private Debt	9
2.1.4 Mortgages	10
2.1.5 Derivatives	12
2.2 Alternative Fixed Income Assets	13
2.3 Non Fixed Income.....	13
2.3.1 Public Equities	13
2.3.2 Commercial Real Estate.....	15
3 Trading Parameters and Restrictions	16
3.1 Fixed Income Benchmark Compliance	16
3.2 Tax Environment	17
3.3 Inter-Company Transfers	20
3.4 Other Trading Restrictions.....	21
3.5 Policy Compliance	21
4 Sign-Off.....	23
Appendix A – Target Asset Mix.....	24
Appendix B – Permitted Investments.....	28
Appendix C – Segment Fixed Income Benchmarks	30

Introduction

This Master Investment Policy (the "Policy") details the investment parameters of the Vietnam liability and surplus segments in all Manulife Vietnam legal entities. The Policy is intended as an extension of each segment's Statement of Investment Policies & Goals and expands upon the Investment Mandate section of the Statement of Investment Policies & Goals.

Chính sách Đầu tư Tổng thể ("Chính sách") liệt kê chi tiết các chỉ số đầu tư của Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ của Manulife Việt Nam. Chính sách này nhằm mục đích mở rộng Chính sách và Mục tiêu Đầu tư của từng danh mục và phần uỷ thác đầu tư trong Chính sách & Mục tiêu Đầu tư.

The effective date of this policy is April 30, 2016.
Chính sách này có hiệu lực kể từ ngày 30/04/2016.

1 Investment Strategies

1.1 Target Return Investment Strategy Segments

Assets supporting products that generally pass through investment returns to policyholders (Par and Non Par pass-through) are managed to achieve a target return designed to maximize dividends or credited rates, subject to established risk tolerances. The target return investment strategy utilizes fixed income and in some segments non fixed income assets. Non fixed income assets are included to enhance long-term investment returns and reduce aggregate risk through diversification. Fixed income assets are managed to a specified target return fixed income benchmarks.

Các sản phẩm mà người mua bảo hiểm nhận lợi nhuận đầu tư (sản phẩm Chia lãi và không Chia lãi) được quản lý để có thể tối đa hóa lợi nhuận tùy theo mức chấp nhận rủi ro. Chiến lược đầu tư tập trung vào các tài sản có thu nhập cố định và trong một số danh mục còn bao gồm tài sản thu nhập không cố định. Các tài sản thu nhập không cố định nhằm tìm kiếm lợi nhuận đầu tư dài hạn và giảm rủi ro tổng hợp thông qua đa dạng hóa danh mục đầu tư. Tài sản thu nhập cố định nhằm tìm kiếm mức lợi nhuận mục tiêu ổn định cho danh mục.

The target amount and mix of non-fixed income for a specific segment along with the characteristics of the specified fixed income benchmark (such as mix of fixed income asset classes, term and credit quality mix, average life and duration) are determined taking into consideration product (crediting rate and competitive environment, minimum rate guarantees, withdrawal and surrender options, liquidity needs, etc.), assets (expected return, risk, reinvestment, etc.) and other influencing factors (accounting, tax, legal, regulatory and capital

regimes, etc.). Within this context, the target return fixed income benchmark seeks to enhance the competitive position of underlying products by maximizing investment return over the long-term based on risk/return trade-offs, while at the same time, minimizing asset turnover.

Cơ cấu của loại tài sản thu nhập không cố định của từng danh mục cụ thể và mức tham chiếu (như danh mục hỗn hợp các loại tài sản thu nhập cố định, danh mục hỗn hợp kỳ hạn và tín dụng, thời gian trung bình và thời gian đáo hạn) được xác định theo sản phẩm (lãi suất và môi trường cạnh tranh, cam kết lãi suất tối thiểu, các lựa chọn rút và giải ước, nhu cầu thanh khoản, vv), tài sản (lợi nhuận dự kiến, mức độ rủi ro, tái đầu tư ...) và các yếu tố ảnh hưởng khác (kế toán, thuế, pháp lý, vốn, vv). Trong bối cảnh này, mức tham chiếu sinh lời mục tiêu của tài sản thu nhập cố định nhằm tăng cường tính cạnh tranh của các sản phẩm bằng cách tối đa hóa lợi nhuận đầu tư trong dài hạn dựa trên chỉ số đầu tư rủi ro / lợi nhuận, đồng thời giảm thiểu vòng quay tài sản.

1.1.1 Vietnam Par - Post 2006 / Danh mục Tài sản Có Chia Lãi - sau 2006

This segment consists of the following subfund:
Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Company 0188, Subfund 225;

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

The fixed income component of the segment is invested according to the Vietnam Benchmark. Benchmark details are shown in Appendix C.

Danh mục tài sản cố định được đầu tư theo bảng tham chiếu Việt Nam. Chi tiết về tham chiếu được trình bày trong Phụ lục C.

1.1.2 Vietnam Par - Pre 2006 / Danh mục Tài sản Có Chia Lãi - trước 2006

This segment consists of the following subfund:
Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Company 0188, Subfund 165.

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

The fixed income component of the segment is invested according to the Vietnam Par Runoff Benchmark. Initially the duration of the fixed income benchmark will be set to equal the liability duration. Unlike the standard static benchmark the duration of the benchmark will shorten as it gets closer to maturity similar to the aging of the liabilities.

Danh mục tài sản cố định được đầu tư theo bảng tham chiếu quỹ chia lãi runoff Việt Nam. Thời gian đáo hạn của danh mục tham chiếu sẽ được xác định bằng thời gian đáo hạn của các khoản nợ.

Benchmark details are shown in Appendix C.

Chi tiết về tham chiếu được trình bày trong Phụ lục C.

1.1.3 Vietnam Pension / Danh mục tài sản Hưu trí

This segment consists of the following subfund:

Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Company 0188, Subfund 168;

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

The fixed income component of the segment is invested according to the Vietnam Pension Benchmark. Benchmark details are shown in Appendix C.

Danh mục tài sản cố định được đầu tư theo bảng tham chiếu quỹ hưu trí Việt Nam. Chi tiết về tham chiếu được trình bày trong Phụ lục C.

1.1.4 Vietnam Non Par / Danh mục Tài sản không Chia Lãi

This segment consists of the following subfunds:

Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Company 0188, Subfund 166;
- Company 0188, Subfund 177; and
- Company 0188, Subfund 766.

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

The fixed income component of the segment is invested according to the Vietnam Pension Benchmark. Benchmark details are shown in Appendix C.

Danh mục tài sản cố định được đầu tư theo bảng tham chiếu quỹ hưu trí Việt Nam. Chi tiết về tham chiếu được trình bày trong Phụ lục C.

1.2 Surplus Investment Strategy Segments

Assets supporting the Surplus segment are managed against the target return investment strategy. The target return investment strategy utilizes fixed income and non-fixed income assets. Non-fixed income assets are included to enhance long-term investment returns and reduce aggregate risk through diversification. Fixed income assets are managed to a specified target return fixed income benchmarks.

Các tài sản trong danh mục thặng dư được quản lý dựa trên chiến lược đầu tư mục tiêu. Chiến lược đầu tư mục tiêu đầu tư vào tài sản thu nhập cố định và phi thu nhập cố định. Tài sản thu nhập cố định nhằm tăng lợi nhuận trong dài hạn và giảm rủi ro thông qua việc đa dạng hóa danh mục đầu tư. Tài sản thu nhập cố định được quản lý theo tham chiếu mục tiêu cụ thể.

The target amount and mix of non-fixed income for a specific segment along with the characteristics of the specified fixed income benchmark (such as mix of fixed income asset classes, term and credit quality mix, average life and duration) are determined taking into consideration the assets (expected return, risk, reinvestment, etc.) and other influencing factors (accounting, tax, legal, regulatory and capital regimes, etc.). Within this context, the target return fixed income benchmark seeks to enhance the competitive position by maximizing investment return over the long-term based on risk/return trade-offs, while at the same time, minimizing asset turnover.

Cơ cấu của loại tài sản thu nhập không cố định của từng danh mục cụ thể và mức tham chiếu (như danh mục hỗn hợp các loại tài sản thu nhập cố định, danh mục hỗn hợp kỳ hạn và tín dụng, thời gian trung bình và thời gian đáo hạn) được xác định theo sản phẩm (lãi suất và môi trường cạnh tranh, cam kết lãi suất tối thiểu, các lựa chọn rút và giải ước, nhu cầu thanh khoản, vv), tài sản (lợi nhuận dự kiến, mức độ rủi ro, tái đầu tư ...) và các yếu tố ảnh hưởng khác (kế toán, thuế, pháp lý, vốn, vv). Trong bối cảnh này, mức tham chiếu sinh lời mục tiêu của tài sản thu nhập cố định nhằm tăng cường tính cạnh tranh của các sản phẩm bằng cách tối đa hóa lợi nhuận đầu tư trong dài hạn dựa trên chỉ số đầu tư rủi ro / lợi nhuận, đồng thời giảm thiểu vòng quay tài sản.

1.2.1 Vietnam Surplus USD / Danh mục Đầu tư Tài sản Thặng dư - USD

The Manulife Vietnam Ltd. follows the Target Surplus mandate.

The assets of the USD Surplus segment are invested in the following subfund:
Manulife Vietnam đầu tư theo danh mục tài sản thặng dư mục tiêu. Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Co 0188 – Subfund 406

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

1.2.2 Vietnam Surplus VND / Danh mục Đầu tư Tài sản Thặng dư - VND

The Manulife Vietnam Ltd. follows the Target Surplus mandate. The assets of the VND Surplus segment are invested in the following subfunds:

Manulife Vietnam đầu tư theo danh mục tài sản thặng dư mục tiêu. Danh mục này bao gồm tài khoản:

- Co 0188 – Subfund 167; and
- Co 0263 – Subfund 404.

The target asset mix for the segment is shown in Appendix A, while permitted investments are outlined in the table in Appendix B.

Danh mục tài sản mục tiêu được trình bày trong Phụ lục A, trong khi tài sản được phép đầu tư được trình bày trong Phụ lục B.

The segment is invested according to the Vietnam Pension Benchmark. Benchmark details are shown in Appendix C.

Danh mục tài sản cố định được đầu tư theo bảng tham chiếu quỹ hưu trí Việt Nam. Chi tiết về tham chiếu được trình bày trong Phụ lục C.

2 Investment Management/ Quản lý đầu tư

2.1 Fixed Income Benchmarks/ Tham chiếu tài sản thu nhập cố định

A fixed income benchmark is a "portfolio" of generic fixed income assets comprised of a mix of government bonds, corporate bonds, private debt and mortgages, with a specified mix of credit quality and term. The mix of asset types and the quality mix can vary by term. The benchmark represents the investable mix of assets suitable to meet the fixed income strategy objective. Each specific benchmark is represented by a matrix of percentage (par) weights by term, asset type and credit quality.

Danh mục tham chiếu là "danh mục đầu tư" của các tài sản thu nhập cố định chung bao gồm tập hợp tài sản trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, nợ tư nhân và nợ thế chấp, với một sự kết hợp giữa đánh giá tín nhiệm và kỳ hạn. Sự kết hợp của các loại tài sản và chất lượng xếp hạng tín nhiệm có thể thay đổi theo thời gian. Danh mục tham chiếu thể hiện sự đa dạng hóa về đầu tư các tài sản phù hợp theo chiến lược đầu tư. Mỗi tham chiếu cụ thể được thể hiện bởi một ma trận có tỷ lệ phần trăm (mệnh giá) theo khối lượng, loại tài sản và xếp hạng tín nhiệm.

For each benchmarked segment, a portfolio of Benchmark Notes is maintained (dynamically matched segments refer to these as Notional Notes). The Benchmark Notes are coupon-bearing par (non-amortizing) bonds, representing the amount of each asset type by maturity and quality that the segment is targeted to be invested in.

Đối với mỗi danh mục tham chiếu, một danh mục tham chiếu sẽ được duy trì. Bao gồm các loại trái phiếu mệnh giá (không chiết khấu), thể hiện số tiền của từng loại tài sản theo thời gian đáo hạn và chất lượng tín nhiệm được đầu tư.

Economic Value Added (EVA) Giá trị gia tăng

EVA is the economic value added to the asset portfolio over and above the value expected from the benchmark. Segment EVA measures the change in the economic value of the asset portfolio relative to the change in the economic value of the Benchmark Notes. The economic value of an asset (and a Benchmark Note as well) is the discounted value of the asset cash flows after adjusting for expenses, expected defaults and cost of capital. EVA is generated by factors such as: portfolio aging, yield curve movement, trading, credit and other experience and other asset changes.

EVA là giá trị kinh tế được tăng thêm trong danh mục đầu tư tài sản vượt quá giá trị tham chiếu. Danh mục EVA đo lường sự thay đổi trong giá trị của danh mục tài sản liên quan đến sự thay đổi giá trị của danh mục tham chiếu. Giá trị của một tài sản (và trong danh mục tham chiếu) là giá chiết khấu dòng tiền của

tài sản sau khi điều chỉnh cho các chi phí, dự kiến sai lệch và chi phí vốn. EVA được tạo ra bởi các yếu tố như: thời hạn danh mục đầu tư, thay đổi đường cong lợi suất, giao dịch, xếp hạng tín nhiệm và các thay đổi khác.

Benchmark Maintenance / Duy trì danh mục tham chiếu

For each segment the portfolio of Benchmark Notes is maintained to reflect the flow of operational cash flow (including reserve top-up/top-down) available for investment (or disinvestment) into the fixed income portfolio; and the reinvestment strategy assumed by the benchmark. Most benchmarks are constant maturity fixed income ladders (or a variation of) and so reinvestment into Benchmark Notes takes place in order to maintain the prescribed ladder structure. Operational cash flow and benchmark income is assumed invested (or disinvested) into (or from) the entire benchmark. Notes for investment and/or disinvestment have coupons reflecting current interest rates or Target Market Yield.

Đối với mỗi danh mục, danh mục đầu tư tham chiếu được duy trì để phản ánh dòng tiền hoạt động có sẵn để đầu tư (hoặc bán ra) vào danh mục đầu tư tài sản thu nhập cố định; và chiến lược tái đầu tư được xây dựng trên danh mục tham chiếu. Hầu hết các tham chiếu đều được xây dựng theo các kỳ hạn chuẩn cố định và do đó, việc tái đầu tư cũng sẽ dựa trên các kỳ hạn chuẩn cố định đó. Dòng tiền hoạt động và lợi nhuận của danh mục tham chiếu được giả định đầu tư (hoặc bán ra) vào (hoặc từ) toàn bộ danh mục tham chiếu chuẩn. Việc đầu tư vào các tài sản có lợi tức cũng phản ánh theo lãi suất hiện tại hoặc lãi suất mục tiêu.

Target Market Yield / Lãi suất mục tiêu

Target market yields are established for each asset type, term and credit rating and reflect the yield expected on new asset originations under current market conditions. Target Market Yields (or their spread components) are established by the investment area with review by Market Risk Management (Investment Division).

Lãi suất mục tiêu được xác lập cho từng loại tài sản, kỳ hạn và xếp hạng tín nhiệm và phản ánh năng suất dự kiến của các nguồn tài sản mới theo các điều kiện thị trường hiện tại. Nhu cầu thị trường mục tiêu (hoặc các thành phần lây lan) được xác lập bởi khu vực đầu tư với sự xem xét của Quản lý rủi ro thị trường (Phòng Đầu tư).

2.1.1 Government Bonds / Trái phiếu Chính phủ

Management Style/ Loại hình đầu tư

Government bonds are used for two purposes, to temporarily hedge interest rate risk and to invest according to fixed income benchmarks.

TPCP được đầu tư cho mục đích phòng ngừa rủi ro lãi suất và theo danh mục tham chiếu.

For the purposes of hedging interest rate risk, portfolio managers may utilize government bonds in place of other fixed income assets until such time as public corporate bonds, private debt or mortgages become available, exposing segment EVA to (temporary) spread risk.

Với mục đích phòng ngừa rủi ro lãi suất, nhà quản lý danh mục có thể đầu tư vào TPCP thay cho các tài sản có thu nhập cố định khác cho đến khi có thể đầu tư vào các tài sản như trái phiếu doanh nghiệp, nợ tư nhân hay nợ thế chấp để tăng giá trị danh mục.

There are also government bond allocations in fixed income benchmarks. For this purpose, government bonds are managed according to the fixed income benchmark requirements.

Trong danh mục tham chiếu cũng có phân bổ cho TPCP, cho nên TPCP được quản lý theo danh mục tham chiếu tài sản thu nhập cố định.

Target Market Yield / Lãi suất mục tiêu

The target yield for risk-free government bonds reflects yields of the current on-the-run benchmark issues; and market-convention interpolation methodologies used for non-benchmark maturities. The target yield for non-AAA rated government yields reflects benchmark yields plus appropriate current market spreads.

Lãi suất mục tiêu cho TPCP phi rủi ro phản ánh lãi suất của danh mục tham chiếu; và phương pháp quy ước nội suy được sử dụng cho kỳ hạn không chuẩn. Lãi suất mục tiêu cho các chính phủ không đạt xếp hạng tín nhiệm AAA phản ánh lãi suất tham chiếu cộng với chênh lệch lãi suất trên thị trường.

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board as well as the *Investment Guidelines* of each operating subsidiary.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

2.1.2 Public Bonds/ Trái phiếu doanh nghiệp

Management Style/ Loại hình đầu tư

Public (corporate) bonds are managed according to fixed income benchmark requirements, with a view to minimizing trading. The investment style emphasizes sector, credit and security selection, combined with low activity yield curve and duration management. As a general rule, duration mismatches are more constrained than in a fully discretionary account and a heavier emphasis is placed upon sector and credit management.

Generally securities that have significant call or extension risk are avoided. Trái phiếu doanh nghiệp được quản lý theo danh mục tham chiếu tài sản thu nhập cố định. Việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tập trung vào lựa chọn ngành, xếp hạng tín nhiệm, tính đảm bảo, kỳ hạn và lãi suất. Theo nguyên tắc chung, việc thời gian đáo hạn không phù hợp bị hạn chế nhiều hơn là trong một tài khoản tùy ý đầy đủ và sự chú trọng nặng nề hơn là về quản lý ngành và tín dụng.

Target Market Yield / Lãi suất mục tiêu

The target yield for public bonds is the risk-free government bond yield plus appropriate public bond spreads (reflects quality rating and maturity). Public bond spreads are set reflective of market conditions for new investment. These are market average spreads reflecting the universe of investment opportunities, but adjusting for reasonable limitations on investability (e.g. name or sector constraints).

Lãi suất mục tiêu cho TP doanh nghiệp bằng lãi suất TPCP cộng thêm lãi suất chênh lệch cho TP doanh nghiệp (do xếp hạng tín nhiệm và kỳ hạn). Chênh lệch lãi suất phản ánh điều kiện thị trường cho những khoản đầu tư mới. Đây là các mức chênh lệch trung bình của thị trường phản ánh các cơ hội đầu tư, nhưng có điều chỉnh cho các hạn chế về đầu tư (ví dụ như hạn chế về tên hay ngành).

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board as well as the *Investment Guidelines* of each operating subsidiary.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

2.1.3 Private Debt / Nợ tư nhân

Management Style / Loại hình đầu tư

Private debt is managed against internal benchmarks, with a view to minimizing trading. The target market is high quality investment grade loans across a wide range of term structures, although there may be some allocation to below investment grade securities.

Nợ tư nhân được quản lý dựa trên chuẩn mực nội bộ. Chủ yếu tập trung những khoản cho vay có chất lượng cao với cấu trúc kỳ hạn khác nhau, mặc dù cơ cấu có thể phân bổ cho các khoản xếp hạng dưới mức đầu tư.

Private debt transactions have less liquidity than public bonds; however, they are often secured and offer the lender the ability to tailor the structure with specific lender enforcement rights.

Các giao dịch nợ tư nhân có tính thanh khoản kém hơn trái phiếu doanh nghiệp; tuy nhiên, chúng thường được bảo đảm và cung cấp cho người cho vay khả năng điều chỉnh cấu trúc với các quyền thực thi cụ thể.

Target Benchmark / Tham chiếu mục tiêu

The target benchmark is the Benchmark Notes (see description of the Target Return investment strategy). The economic value of the portfolio is expected to meet or exceed the economic value of the target benchmark.

Danh mục tham chiếu xem thêm ở chiến lược đầu tư. Giá trị tăng thêm của danh mục dự kiến sẽ bằng hoặc cao hơn giá trị tăng thêm của danh mục tham chiếu.

The expected economic value added of the Private Debt component of the target benchmark is a premium spread over comparable public corporate bonds adjusted for expenses and expected defaults with a target return on capital. Giá trị tăng thêm dự kiến của khoản nợ tư nhân là mức chiết khấu cao hơn so với các trái phiếu doanh nghiệp tương đương sau khi điều chỉnh cho chi phí và dự kiến sai lệch với lợi nhuận mục tiêu.

A description of all target return fixed income benchmarks is located in Appendix A.

Các định nghĩa về danh mục tham chiếu được trình bày trong Phụ lục A.

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board as well as the *Investment Guidelines* of each operating subsidiary.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

Generally, the single private debt size limit is the lesser of 3% of the market value of the entire segment or US\$90 million. Larger sized private debt may be allocated to the segment subject to approval from the VP, Asset Liability Management.

Nhìn chung, giới hạn đầu tư được quy định là số nhỏ hơn giữa 3% giá trị thị trường của danh mục hoặc 90 triệu USD. Những khoản đầu tư lớn có thể được phân bổ cho các danh mục theo sự phê duyệt của Phó chủ tịch, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có.

Large private debt may be split between two or more segments within the same legal entity.

Các khoản đầu tư lớn có thể được chia ra làm hai hoặc nhiều nhóm trong cùng một pháp nhân.

2.1.4 Mortgages / Tài sản thế chấp

Management Style – Commercial Mortgages / Loại hình đầu tư

The management style is security driven. The target market is high quality loans secured by well leased, stabilized properties with strong operating histories. Loan origination is through our regional offices providing in-depth knowledge of real estate markets and our clients. Underwriting concentrates on the location and physical qualities of the real estate, durability of lease income and market trends for the property type. The *North American Mortgages Credit Policy* document is followed.

Đầu tư vào khoản nợ có tài sản thế chấp chủ yếu là các khoản vay có chất lượng cao được bảo đảm bởi các tài sản được cho thuê có hoạt động ổn định. Nguồn gốc vay vốn thông qua văn phòng vùng có kiến thức chuyên sâu về thị trường bất động sản và khách hàng. Việc bảo lãnh phát hành tập trung vào vị trí địa lý và chất lượng của bất động sản, sự ổn định nguồn thu nhập từ cho thuê và xu hướng thị trường của bất động sản. Việc đầu tư này tuân thủ theo Chính sách Tín dụng Thế chấp của Bắc Mỹ.

Target Benchmark / Tham chiếu mục tiêu

The target benchmark is either the Benchmark Notes (see description of the Target Return investment strategy). The economic value of the portfolio is expected to meet or exceed the economic value of the target benchmark.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

The expected economic value added of the Mortgage component of the target benchmark is a premium spread over comparable public corporate bonds adjusted for expenses and expected defaults with a target return on capital. Giá trị tăng thêm dự kiến của khoản đầu tư cho vay có tài sản đảm bảo là mức chiết khấu cao hơn so với các trái phiếu doanh nghiệp tương đương sau khi điều chỉnh cho chi phí và dự kiến sai lệch với lợi nhuận mục tiêu.

A description of all target return fixed income benchmarks is located in Appendix A.

Các định nghĩa về danh mục tham chiếu được trình bày trong Phụ lục A.

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board as well as the *Investment Guidelines* of each operating subsidiary.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

Generally, the mortgage size limit is the minimum of either 3% of the market value of the entire segment or US\$90 million. Larger sized private debt may be

allocated to the segment subject to the approval from the VP, Asset Liability Management.

Nhìn chung, giới hạn đầu tư được quy định là số nhỏ hơn giữa 3% giá trị thị trường của danh mục hoặc 90 triệu USD. Những khoản đầu tư lớn có thể được phân bổ cho các danh mục theo sự phê duyệt của Phó chủ tịch, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có.

Large mortgages may be split between two or more segments within the same legal entity. Splitting of mortgages across legal entities is subject to the *Mortgage Participation Agreement* document.

Các khoản đầu tư lớn có thể được chia ra làm hai hoặc nhiều nhóm trong cùng một pháp nhân. Việc phân chia tuân theo Hiệp định Tham gia Đầu tư Thế chấp.

2.1.5 Derivatives / Đầu tư phái sinh ***Management Style/ Loại hình đầu tư***

Derivatives are utilized for hedging, income generation or replication strategies. Các công cụ phái sinh được sử dụng cho các chiến lược bảo hiểm rủi ro, tạo thu nhập hoặc nhân rộng.

Derivatives utilized by the portfolio manager in their investment management activity are included in performance measurement.

Việc đầu tư các công cụ phái sinh trong hoạt động quản lý đầu tư được bao gồm trong phép đo hiệu suất của người điều hành quản lý danh mục.

Derivatives initiated for ALM strategies separate from the portfolio management function or as direct hedges of liability risk are normally excluded from performance measurement. These derivatives are held in separate portfolios where ALM is listed as the Portfolio Owner. Derivatives in these portfolios are executed by portfolio management and / or derivatives trading at the request and direction of ALM.

Các công cụ phái sinh mở đầu cho các chiến lược Quản lý nợ/có (ALM) tách biệt với chức năng quản lý danh mục đầu tư hoặc như các công cụ bảo hiểm rủi ro thường được loại trừ khỏi việc đo lường hiệu suất. Các công cụ phái sinh này được giữ trong danh mục riêng mà trong đó ALM là Chủ đầu tư danh mục. Các công cụ phái sinh trong danh mục này được quản lý bởi nhà quản lý danh mục đầu tư và / hoặc giao dịch theo yêu cầu và chỉ đạo của Ủy ban Quản lý nợ/có ALM.

Target Market Yield / Lãi suất mục tiêu

Some fixed income benchmarks include an allocation to derivatives. The target yield for interest rate swaps reflects the observed market yield curve and market-convention interpolation methodologies where required.

Một số danh mục tham chiếu có phân bổ các công cụ phái sinh trong đó. Lãi suất mục tiêu cho việc hoán đổi lãi suất phản ánh đường cong lợi suất của thị trường thông qua áp dụng phương pháp nội suy khi cần.

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

The use of derivatives must be in accordance with the *General Fund Derivatives Usage Policy*. The use of derivatives in a segment requires that their use be in accordance with an approved Global Derivative Strategy (GDS) – Segment Application.

Việc đầu tư vào tài sản phái sinh phải tuân theo Chính sách đầu tư phái sinh. Việc đầu tư tài sản phái sinh trong danh mục phải tuân theo Chiến lược phái sinh toàn cầu.

2.2 Alternative Fixed Income Assets/ Cái tài sản thu nhập cố định khác

There are no Alternative-Fixed Income permitted investments approved for Vietnam currently.

Hiện tại không có các loại tài sản thu nhập cố định khác được phép đầu tư cho Việt Nam.

2.3 Non Fixed Income / Tài sản thu nhập không cố định

2.3.1 Public Equities / Cổ phiếu

Management Style / Loại hình đầu tư

The Ho Chi Minh Stock Exchange (HoSE) and the Hanoi Stock Exchange (HNX) presently consist of 376 listed companies respectively as at December 31, 2015. The investment objective is to seek capital appreciation and dividend, focus on selection of stocks based on fundamental bottom up approach (GCMV analysis model) in combination with top down approach. GCMV analysis model will look for stocks which have long term growth prospects, strong cash generation ability, good management with high quality corporate governance, reasonable valuation with potential catalysts for stock price increase in the future.

Sở GDCK HCM (HOSE) và sở GDCK Hà Nội (HNX) hiện có 376 công ty niêm yết tính đến thời điểm 31/12/2015. Mục tiêu đầu tư là tìm kiếm sự tăng giá và cổ tức với việc tập trung lựa chọn cổ phiếu dựa trên cơ sở phương pháp tiếp bottom up and top down (mô hình phân tích GCMV). Mô hình phân tích của GCMV sẽ tìm kiếm các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng dài hạn, dòng tiền mạnh, quản lý

tốt với quản trị doanh nghiệp chất lượng cao, định giá hợp lý với tiềm năng cho sự tăng giá cổ phiếu trong tương lai.

Target Benchmark / Tham chiếu mục tiêu

The target benchmark is the Vietnam Index (VN Index) which is also used for performance management. The total return of the portfolio is expected to be in line with that of the benchmark.

Chỉ số tham chiếu mục tiêu là VN Index. Danh mục dự kiến đạt mức tăng trưởng tương đương chỉ số tham chiếu.

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

From 2007 onwards MAMV started to launch its mutual funds in VN. Under the new Security law no. 70/2006/QH11, the launch needs to be withdrawn if it is under subscribed and if it does not meet the minimum size requirement. To facilitate the offering of mutual funds, in case of under subscription, MVL will be allowed to invest into MAMV's fund certificates including both closed end listed mutual fund certificates and open end mutual fund certificates, provided that such investments are consistent with the prevailing local regulations. As such, trading on equities will include and will not be limited to Manulife mutual fund certificates.

Từ năm 2007, MAMV bắt đầu triển khai các quỹ tương hỗ tại Việt Nam. Theo Luật chứng khoán 70/2006/QH11, các quỹ chỉ được triển khai nếu đáp ứng yêu cầu về đạt được số vốn đăng ký tối thiểu. Để tạo điều kiện cho việc chào bán các quỹ tương hỗ, MVL sẽ được phép đầu tư vào chứng chỉ quỹ của MAMV bao gồm quỹ đóng và quỹ mở phù hợp với các quy định hiện hành tại VN. Như vậy, giao dịch chứng khoán sẽ bao gồm và không giới hạn đối với chứng chỉ quỹ của MAMV.

2.3.2 Commercial Real Estate

Management Style / Loại hình đầu tư

The commercial real estate is invested mainly for corporate own use.
Bất động sản thương mại chủ yếu cho sử dụng nội bộ.

Target Benchmark / Tham chiếu mục tiêu

There is no target benchmark.
Không có tham chiếu mục tiêu

Trading Limits / Giới hạn giao dịch đầu tư

Trading limits are established to ensure proper risk management. The trading limits are consistent with the *MFC Investment Guidelines* document approved annually by a sub-committee of the Board.

Giới hạn giao dịch đầu tư được thiết lập để đảm bảo quản lý rủi ro hợp lý. Giới hạn giao dịch phù hợp với các văn bản Hướng dẫn Đầu tư của MFC được Tiểu ban của Hội đồng phê duyệt hàng năm.

3 Trading Parameters and Restrictions

3.1 Fixed Income Benchmark Compliance

Fixed income assets managed to a specified fixed income benchmark are expected to comply with the following investment compliance requirements. Limits are specified for each benchmarked segment (or sub-segment/portfolio as appropriate). Not all of the limits listed below need to be specified for all segments. Segment limits guide segment investment management activity to support the risk management objectives set out in the company's risk policies. Limits are reviewed with appropriate ALCOs.

Các tài sản thu nhập cố định được quản lý theo chuẩn mực tham chiếu cụ thể và tuân thủ các yêu cầu về đầu tư sau đây. Giới hạn đầu tư được quy định cho từng danh mục (hoặc danh mục phụ). Không phải tất cả các giới hạn đầu tư được liệt kê dưới đây áp dụng cho tất cả các danh mục. Các giới hạn dùng để hỗ trợ mục tiêu quản lý rủi ro được đề ra trong chính sách rủi ro của công ty. Các giới hạn được xem xét bởi ALCO.

Illiquid Asset Limit / Tài sản có thanh khoản thấp

Benchmark assets have a maximum allowable holding of illiquid assets (mortgages and private debt), measured as percentage of market value.

Quy định về tỷ lệ tối đa được phép nắm giữ loại tài sản có thanh khoản thấp (tài sản thế chấp và nợ tư nhân), được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị thị trường.

Credit Risk Limit / Rủi ro tín dụng

Benchmark assets have maximum allowable EL Score limits.

Quy định về chỉ số tổn thất dự kiến (EL) tối đa được phép.

The EL (Expected Loss) Score is a Manulife methodology for determining relative credit risk of an asset portfolio. Individual assets are assigned an EL Score based upon their asset class, credit rating and term (average life); and the score for a portfolio reflects the weighted average (by market value) of the individual assets in the portfolio. EL Scores reflect the value of an asset's expected default cost based upon approved expected default assumptions. Lower quality assets and assets with longer maturities will have higher EL Scores.

Chỉ số tổn thất dự kiến (EL) là một phương pháp để xác định rủi ro tín dụng tương đối của một danh mục tài sản. Tài sản cá nhân được chỉ định một chỉ số EL dựa trên loại tài sản, xếp hạng tín nhiệm và kỳ hạn (tuổi thọ trung bình); và chỉ số cho một danh mục đầu tư tính theo trọng số (theo giá thị trường) trung bình của từng tài sản trong danh mục. Chỉ số EL cho thấy sự mất giá dự kiến của tài sản dựa trên các giả định có sẵn. Tài sản có chất lượng tín nhiệm thấp và tài sản có kỳ hạn dài sẽ có chỉ số EL cao hơn.

An EL Score limit for a specific benchmark will generally be set the equivalent of two sub-ratings below the target average quality of the benchmark.

Chỉ số EL cho một tham chiếu cụ thể sẽ được tính với loại tài sản có xếp hạng đầu tư trung bình thấp hơn 2 bậc so với danh mục chuẩn.

Interest Rate Risk Limits / Rủi ro lãi suất

Benchmarked portfolios have a maximum allowable Interest Rate VaR. Interest Rate VaR is measured based upon the net position between assets and benchmark. The limit is expressed as a percentage (of benchmark present value).

Quy định về giá trị rủi ro lãi suất (VaR lãi suất) tối đa cho phép. VaR lãi suất được tính dựa trên giá trị ròng giữa tài sản và tham chiếu và giới hạn VaR được thể hiện dưới dạng phần trăm.

Interest rate VaR measures risk from the general movement in interest rates such that all-rates (governments, swaps and corporate rates) move in unison.

VaR lãi suất đo lường rủi ro từ biến động chung của lãi suất, như lãi suất TP chính phủ, hoán đổi và doanh nghiệp.

For those markets where stochastic risk measures aren't available, interest rate risk limits are duration based.

Đối với những thị trường không có các biện pháp đo lường rủi ro, giới hạn rủi ro lãi suất là dựa trên thời gian đáo hạn.

Spread Risk Limits / Rủi ro chênh lệch lãi suất

Benchmarked portfolios have a maximum allowable Spread Risk VaR. The limit is expressed as a percentage (of benchmark present value).

Quy định về rủi ro chênh lệch lãi suất (VaR spread). Giới hạn VaR spread được thể hiện dưới dạng phần trăm.

Spread risk results when asset term and quality mix differ from the benchmark target mix; this mismatch creates the potential for a loss of EVA because investment/disinvestment activity is needed to rebalance a portfolio to target.

Rủi ro chênh lệch lãi suất thể hiện khi danh mục tài sản khác với danh mục tham chiếu chuẩn; sự khác biệt này tạo ra khả năng mất giá trị tăng thêm bởi vì hoạt động đầu tư mua/bán là cần thiết để tái cân bằng danh mục đầu tư.

For those markets where stochastic risk measures aren't available, spread risk limits are not applied.

Đối với những thị trường không có các biện pháp đo lường rủi ro, không áp dụng giới hạn rủi ro chênh lệch lãi suất.

3.2 Tax Environment

VAT and Corporate Income Tax (CIT)

There is a significant difference in the way investments are taxed depending on whether they are held directly by MVL or whether they form part of the investment fund of MAMV.

Cách tính thuế trong đầu tư sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc tài sản nắm giữ trực tiếp bởi MVL hay là một phần của quỹ đầu tư của MAMV.

Investments Held Directly by MVL

Vietnam does not have a separate capital gains tax. In general, investment income is included in MVL's taxable income and taxed at the applicable CIT tax rate of 20%. Most of the investment income is exempted from VAT, except for gain from disposition of real estate.

Nói chung, thu nhập từ đầu tư được tính vào thu nhập chịu thuế của MVL và được đánh thuế theo thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%. Phần lớn thu nhập đầu tư được miễn thuế giá trị gia tăng, ngoại trừ thu nhập từ định đoạt bất động sản.

The tax treatment of each type of investment income class is summarized as follows:

Việc tính thuế đầu tư được tóm tắt như sau:

Description / Loại	Tax Treatment / Cách tính thuế
Money market / Long term deposit Thị trường tiền tệ/ Tiền gửi dài hạn	Interest income is recognized on an accrual basis and subject to income tax. No VAT charged. Thu nhập từ lãi được ghi nhận trên cơ sở lũy kế và phải nộp thuế thu nhập. Không tính thuế VAT.
Foreign Exchange Gain / Loss Lãi/ Lỗ chênh lệch tỷ giá	Foreign exchange gains / losses on assets are taxable / deductible when realized. Unrealized foreign exchange gains / losses on assets considered to calculate the deferred tax on assets / liabilities. No VAT is charged in both long term and short term. Lãi / lỗ chênh lệch tỷ giá được tính thuế / khấu trừ khi thực hiện. Lãi / lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tính thuế tài sản thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Không tính thuế VAT trong cả dài hạn và ngắn hạn.
Interest on Bonds	Interest on bonds is taxable on an

<p>Lợi tức trái phiếu</p>	<p>accrual basis. Only the interest related to the holding period by MVL shall be treated as interest income of MVL. Any interest related to the period before the acquisition of the bonds should be recorded as a reduction in the investment. No VAT charged. Lợi tức trái phiếu được tính trên cơ sở lũy kế. Chỉ có lợi tức liên quan trong thời gian nắm giữ tài sản của MVL sẽ được tính là thu nhập lãi của MVL. Bất kỳ khoản lãi nào liên quan đến thời gian trước khi mua trái phiếu được ghi nhận là khoản giảm đầu tư. Không tính thuế VAT.</p>
<p>Gain / Loss on Sale of Bond Lãi/ Lỗ từ giao dịch trái phiếu</p>	<p>The gain / loss from the sale of bonds is taxable / deductible on a realized basis. No VAT charged. Lãi / lỗ từ việc bán trái phiếu được đánh thuế / khấu trừ khi thực hiện. Không tính thuế VAT.</p>
<p>Discount / Premium on Bonds Trái phiếu giảm giá / tăng giá</p>	<p>The discount / premium is taxable / deductible on a realized basis. Trái phiếu giảm giá / tăng giá được tính thuế/ khấu trừ khi thực hiện.</p>
<p>Equities listed on Vietnam stock exchange Cổ phiếu niêm yết</p>	<p>Dividends distributed by Vietnam incorporated companies, whether listed or not listed, should not be taxable. Any gain / loss on disposition of shares will be taxable / deductible on a realized basis. Cổ tức các công ty, dù niêm yết hay chưa niêm yết, đều không chịu thuế. Lãi / lỗ khi bán cổ phiếu sẽ được tính thuế / khấu trừ khi thực hiện.</p>
<p>Provision for securities devaluation Dự phòng giảm giá chứng khoán</p>	<p>As per Decision 228/2009/TT-BTC and its amendment Circular 89/2013/TT-BTC: Provisions for securities devaluation are generally allowed for marketable securities with determinable fair market values directly from Stock Exchange or from broker quotations. Any deduction in respect of provision for securities devaluation must be</p>

	<p>supported by detail computation of the provisions and related evidence on the fair market values.</p> <p>Theo QĐ 228/2009/TT-BTC và TT sửa đổi 89/2013/TT-BTC: Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán áp dụng đối với chứng khoán được phép giao dịch với giá thị trường được xác định trực tiếp từ Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc từ các môi giới báo giá. Bất kỳ khoản khấu trừ nào đối với dự phòng giảm giá chứng khoán phải được tổng hợp bằng kê chi tiết và tài liệu dẫn chứng liên quan.</p>
Real Estate (for own use) Bất động sản (sử dụng)	<p>Any gain / loss from disposition of real estate would be taxable / deductible on a realized basis. Such gain or loss from transfer of real estate must be calculated separately as any real estate loss can only be applied against taxable profits from the same activity. (i.e. transfer of real estate). Unutilized loss from transfer of real estate can be carried forward for a period of 5 years. The disposition of the building (but not the land) is also subject to a tax of 10%.</p> <p>Bất kỳ khoản lãi / lỗ nào từ thanh lý bất động sản sẽ được tính thuế / khấu trừ thuế khi thực hiện. Khoản lãi hoặc lỗ từ chuyển nhượng bất động sản phải được tính riêng vì khoản lỗ ảnh hưởng với khoản lợi nhuận chịu thuế (như là chuyển nhượng bất động sản). Khoản lỗ từ việc chuyển nhượng bất động sản chưa sử dụng có thể được chuyển tiếp trong 5 năm. Thay đổi tòa nhà (không tính đất) cũng phải chịu thuế 10%.</p>

3.3 Inter-Company Transfers

Transfers between segments are done at fair market value or the equivalent of market value.

Chuyển đổi giữa các danh mục được thực hiện theo giá thị trường hoặc tương đương với giá trị thị trường.

Internal transfers of assets between segments are limited by the classification of the assets under both Canadian and US GAAP. Assets may only be transferred if both trading segments hold the same classification for both regulatory environments.

Việc chuyển đổi nội bộ tài sản giữa các danh mục được giới hạn theo phân loại tài sản theo chính sách GAAP của Hoa Kỳ và Canada. Tài sản chỉ có thể được chuyển đổi nếu được phân loại giống nhau.

All related-party transactions amongst legal entities within the Manulife Financial group of companies follow the Related-Party Asset Transfer approval process carried out by the Investment Controllers area.

Tất cả các giao dịch liên quan về pháp nhân trong nhóm các công ty của Tập đoàn Manulife được thực hiện theo quy trình chuyển nhượng tài sản được phê duyệt bởi Bộ phận Quản lý Đầu tư vùng.

This approval process includes a review of proposed transactions within the following areas:

Việc phê duyệt này bao gồm xem xét các giao dịch được đề xuất trong các lĩnh vực sau:

- Investment Controllers; (quản lý đầu tư)
- Derivatives Middle Office; (giao dịch phái sinh)
- Applicable Legal departments; (bộ phận pháp lý)
- Applicable Tax departments; and (bộ phận thuế)
- Business Unit Controllers. (bộ phận quản lý kinh doanh)

The purpose of the approval process is to assess the tax, legal, regulatory and internal control impacts to ensure compliance with related supervisory bodies and company policies.

Mục đích của quy trình phê duyệt là đánh giá các tác động về thuế, pháp luật, quy định và kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính tuân thủ đối với các cơ quan giám sát liên quan và chính sách của công ty.

3.4 Other Trading Restrictions

Direct investment in MFC shares and MFC debt is prohibited.
Không được đầu tư trực tiếp vào chứng khoán của MFC.

3.5 Policy Compliance

The Policy is intended to comply with and cascade down from the *MFC Investment Guidelines* document (prepared by Investments and approved

annually by a sub-committee of the Board of Directors). The Policy is intended to additionally comply with and cascade down from the applicable *Investment Guidelines* of each subsidiary referenced in the Policy with respect to the assets and liabilities held within those subsidiaries.

Chính sách này nhằm mục đích tuân thủ và cụ thể hóa Tài liệu Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife (do Bộ phận Đầu tư chuẩn bị và được phê duyệt hàng năm bởi một Tiểu ban của Hội đồng Quản trị). Chính sách này nhằm mục đích bổ sung và cụ thể hóa Hướng dẫn đầu tư áp dụng cho từng công ty con đối với tài sản và nghĩa vụ nợ trong công ty con đó.

The Policy also takes into account, where possible, other key company policies such as those listed below. It is also recognized that investment activity in general must comply with the requirements of these and other relevant policies not listed.

Chính sách này cũng tính đến, nếu có thể, các chính sách quan trọng khác của công ty đồng thời cũng thừa nhận rằng hoạt động đầu tư nói chung phải tuân thủ các yêu cầu của các chính sách này và các chính sách liên quan khác (nếu có).

- Capital Management Policy (Chính sách quản lý vốn)
- Enterprise Risk Policy (Chính sách rủi ro doanh nghiệp)
- Fixed Income Securities Credit Policy (Chính sách tín dụng chứng khoán thu nhập cố định)
- Foreign Exchange Policy (Chính sách ngoại hối)
- General Fund Derivatives Usage Policy (Chính sách phái sinh chung)
- General Fund Securities Lending Policy (Chính sách cho vay tín dụng chung)
- Global Banking Policy (Chính sách ngân hàng toàn cầu)
- Inter-Segment Note Policy (Chính sách hối phiếu danh mục)
- Liquidity Pool Investment Guidelines (Chính sách đầu tư tài sản thanh khoản)
- Liquidity Risk Management Policy (Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)
- Mortgage Credit Policy (Chính sách tín dụng thế chấp)
- Pledging Policy (Chính sách cam kết)
- Securities Counterparty Policy (Chính sách đối tác chứng khoán)
- Target Asset Mix and Asset Benchmarks Policy (Chính sách tham chiếu cơ cấu tài sản mục tiêu)

The MFC Investment Guidelines and the other policies listed in this section can be found on MFCentral under Company Policies. If the policy does not appear, check the Restricted Policies list and contact the appropriate Policy Coordinator. Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife và các chính sách khác đề cập trong mục này có thể tìm thấy tại MFCentral – Chính sách công ty. Nếu không có, hãy tìm tại danh sách các chính sách hạn chế và liên hệ đội ngũ phụ trách chính sách.

4 Sign-Off

The undersigned, on behalf of their business units, have read and agree with the investment objectives and investment management parameters set out in this Policy. The parties acknowledge that the investment objectives may be further defined in order to provide greater clarity. This Policy will remain in effect until such time that a restated and amended Policy is prepared.

Người phê duyệt dưới đây, thay mặt các bộ phận, đã đọc và đồng ý với các mục tiêu đầu tư và các thông số quản lý đầu tư được nêu trong Chính sách này. Các bên đồng ý rằng các mục tiêu đầu tư có thể được xác định chi tiết để làm rõ hơn. Chính sách này sẽ có hiệu lực cho đến khi có Chính sách sửa đổi khác.

Philip Witherington
EVP & CFO, Asia Division

Date:

Rockson Leung
VP & CRO, Asia Division

Date:

Felix Lai
AVP & CFO, Vietnam

Date:

Robin Li
Head of Investment, Asia General Account

Date:

Halina K. von dem Hagen
EVP Treasury and Capital Markets

Date:

Gerald Posthuma
VP, Global Asset Liability Management

Date:

Appendix A – Target Asset Mix / Cơ cấu tài sản mục tiêu

The Target Asset Mix and Asset Benchmark Policy require that a target asset mix should be established for all segments and approved by the governing ALCO. Changes to target asset mixes require Global ALCO approval.

Chính sách Cơ cấu tài sản và tham chiếu mục tiêu yêu cầu phải thiết lập một cơ cấu tài sản mục tiêu cho tất cả các danh mục và được phê duyệt bởi ALCO. Các thay đổi về các cơ cấu tài sản yêu cầu phải được ALCO toàn cầu phê duyệt.

This appendix contains the approved target asset mixes (and tactical ranges) for segments covered by this Policy. Actual asset mix is shown for information purposes and is as of March 31, 2016. In general each segment has an approved target mix and tactical range for each significant asset class. However, there are a several special circumstances that apply to some segments. Where applicable, these special circumstances are identified for each segment and are explained in the footnotes below.

Phụ lục này liệt kê các cơ cấu tài sản mục tiêu (và giới hạn) đã được phê duyệt cho từng danh mục được Chính sách này quy định. Cơ cấu tài sản thực tế được trình bày tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2016. Nhìn chung, mỗi danh mục có một cơ cấu tài sản mục tiêu và giới hạn đã được phê duyệt. Tuy nhiên, một số trường hợp đặc biệt được áp dụng cho một số danh mục và được chú thích dưới đây

(1) Dynamically Matched

In Dynamically Matched segments currently open to new business, assets are acquired to back liability sales as per the requirements established by the FTP (Fund Transfer Price) mix at the time of liability sale. The in-force asset mix may be rebalanced with ALCO approval. The actual asset holdings therefore reflect targeted holdings based upon liability pricing requirements and previously approved in-force asset mix shifts.

Tài sản được mua để hỗ trợ với khoản nợ phí bảo hiểm theo yêu cầu của FTP (Giá Chuyển đổi). Cơ cấu tài sản hiện tại có thể được tái cân bằng theo sự phê duyệt của ALCO. Tài sản nắm giữ thực tế phản ánh theo tài sản mục tiêu dựa trên giá trị nợ và các thay đổi về cơ cấu tài sản đang áp dụng trước đó.

(2) Target = Actual

For a number of segments the actual asset holding always represent the target asset holdings. These are segments that have been closed to new business and the current actual holdings reflect assets acquired historically to back liabilities using a buy and hold strategy. No active rebalancing of the asset mix is undertaken.

Đối với một số danh mục, tài sản nắm giữ thực tế luôn đại diện cho cơ cấu tài sản mục tiêu. Đây là các danh mục không còn hoạt động đối với kinh doanh mới

và các tài sản nắm giữ hiện tại phản ánh sử dụng chiến lược mua và nắm giữ trong quá khứ. Danh mục này không yêu cầu tái cân bằng lại danh mục.

(3) Non Fixed Income Assets

For a number of segments, a target holding (and tactical range) for the total amount of non-fixed income assets has been established. However the allocation of these targets to the specific classes of non-fixed income assets (e.g. between equity and real estate) has not been established. In these circumstances the gap for total non-fixed income assets may be allocated to a single asset class (typically equities) or may be pro-rated according to actual holdings. The circumstance is temporary pending the recommendation of a target mix of non-fixed income asset classes.

Cơ cấu mục tiêu (và giới hạn) cho tổng số tài sản thu nhập không cố định đã được thành lập cho một số danh mục. Tuy nhiên, việc phân bổ mục tiêu này cho các loại tài sản thu nhập không cố định (ví dụ giữa cổ phiếu và bất động sản) thì chưa được thiết lập cụ thể. Khi đó, chênh lệch trong tổng tài sản thu nhập không cố định có thể được phân bổ cho một loại tài sản đơn lẻ (thường là cổ phiếu) hoặc theo số lượng nắm giữ thực tế. Việc phân bổ này sẽ tạm thời cho đến khi có kiến nghị mục tiêu khác.

(4) Carve Out for Specific Acquisitions

In some segments specific approval was given for specific acquisition of assets for which a formal target mix had not been established. In this circumstance the actual holdings of those assets represent the target asset holdings and are reported as such and the target mix of another asset class is adjusted downward to offset. For instance private debt may be specifically acquired to substitute for a target allocation of mortgages or public bonds.

Trong một số danh mục, việc mua tài sản cụ thể sẽ có chấp thuận cụ thể khi mà danh mục không có thiết lập cơ cấu mục tiêu. Trong trường hợp đó, tài sản nắm giữ thực tế đại diện cho cơ cấu tài sản mục tiêu và cơ cấu mục tiêu của một loại tài sản khác sẽ được điều chỉnh giảm xuống để bù đắp. Ví dụ, việc đầu tư thêm nợ tư nhân có thể được bù đắp bằng sự thay đổi trong phân bổ của các khoản đầu tư nợ thế chấp hoặc trái phiếu doanh nghiệp.

Segment Name: **Vietnam Par – Post 2006 /** Danh mục Tài sản Có Chia Lãi - sau 2006

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	315	90.0%			
	Public Corporate Bonds/ TPDN	21	6.0%			
	Total / Tổng cộng	336	96.0%	90.0%	75.0%	100.0%
Illiquid	Private Debt / Nợ tư nhân		0.0%			

Master Investment Policy
Vietnam Liability and Surplus Segments

Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
	Non-Fixed Income/ TSTN ko cố định	Equities/ Cổ phiếu	14	3.9%		
	Real Estate/ BĐS	0.2	0.1%			
	Total /Tổng cộng	14.2	4.0%	10.0%	0.0%	25.0%

Segment Name: **Vietnam Par – Pre 2006** / Danh mục Tài sản Có Chia Lãi - trước 2006

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	199	83.9%			
	Public Corporate Bonds/ TPĐN	26	11.2%			
	Total /Tổng cộng	225	95.1%	100.0%	75.0%	100.0%
Illiquid Fixed Income / TSTN cố định ko có thanh khoản	Private Debt / Nợ tư nhân	-	0.0%			
	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Non-Fixed Income/ TSTN ko cố định	Equities/ Cổ phiếu	5	2.3%	0.0%	0.0%	10.0%
	Real Estate/ BĐS	6	2.6%	0.0%	0.0%	15.0%
	Total /Tổng cộng	11	4.9%	0.0%	0.0%	25.0%

Segment Name: **Vietnam Non Par** / Danh mục Tài sản Không Chia Lãi

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	38	63.0%			
	Public Corporate Bonds/ TPĐN	14	23.8%			
	Total /Tổng cộng	52	86.8%	95.0%	90.0%	100.0%
Illiquid Fixed Income / TSTN cố định ko có thanh khoản	Private Debt / Nợ tư nhân	-	0.0%			
	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Non-Fixed Income/ TSTN ko cố định	Equities/ Cổ phiếu	8	13.1%			
	Real Estate/ BĐS	-	0.0%			
	Total /Tổng cộng	8	13.1%	5.0%	0.0%	10.0%

	Total / Tổng cộng				
--	-------------------	--	--	--	--

Segment Name: Vietnam Pension/ Danh mục Tài sản quỹ hưu trí

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	11	76.3%			
	Public Corporate Bonds/ TPĐN	3	20.2%			
	Total / Tổng cộng	14	96.5%	95.0%	90.0%	100.0%
Illiquid Fixed Income / TSTN cố định không thanh khoản	Private Debt / Nợ tư nhân	-	0.0%			
	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Non-Fixed Income/ TSTN không cố định	Equities/ Cổ phiếu	0.5	3.5%			
	Real Estate/ BĐS	-	0.0%			
	Total / Tổng cộng	0.5	3.5%	5.0%	0.0%	10.0%

Segment Name: Surplus – VND / Danh mục Tài sản Thặng dư VND

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh khoản	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	41	69.2%			
	Public Corporate Bonds/ TPĐN	15	25.1%			
	Total / Tổng cộng	56	94.3%	88.0%	85.0%	100.0%
Illiquid Fixed Income / TSTN cố định không thanh khoản	Private Debt / Nợ tư nhân	-	0.0%			
	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Non-Fixed Income/ TSTN không cố định	Equities/ Cổ phiếu	-	0.0%			
	Real Estate/ BĐS	3	5.7%			
	Total / Tổng cộng	3	5.7%	12.0%	0.0%	15.0%

Segment Name: Surplus – USD / Danh mục Tài sản Thặng dư USD

		Actual Asset		Target	Tactical Range	
		\$	%	%	Min%	Max%
Liquid Fixed Income / TSTN cố định có thanh	Short Term and Government / Tài sản ngắn hạn và TPCP	15	100.0%			
	Public Corporate Bonds/ TPĐN	0	0.0%			
	Total / Tổng cộng	15	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

khoản						
Illiquid Fixed Income / TSTN cố định ko có thanh khoản	Private Debt / Nợ tư nhân	-	0.0%			
	Mortgages / Nợ thế chấp	-	0.0%			
	Total/Tổng cộng	-	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Non-Fixed Income/ TSTN ko cố định	Equities/ Cổ phiếu	-	0.0%			
	Real Estate/ BĐS	0	0.0%			
	Total /Tổng cộng	0	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Appendix B – Permitted Investments – Các loại tài sản được phép đầu tư

The following investments are permitted in the segments as outlined in the table at the bottom of the page:

Các tài sản được phép đầu tư trong danh mục được liệt kê như sau:

- ST - Short-Term Fixed Income investments. (đầu tư tài sản thu nhập cố định ngắn hạn)
- LP - Liquidity Pool Certificate of Deposit (LPCD). (chứng chỉ tiền gửi thanh khoản)
- BO - Public Bonds – investment grade and below investment grade. (trái phiếu – đạt tín nhiệm đầu tư và dưới tín nhiệm đầu tư)
- PD - Private Debt. (Nợ tư nhân)
- MO - Commercial Mortgages. (Nợ thế chấp)
- EQ - Publicly Traded Common Share and Preferred Share Equities. (Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi)
- RE – Commercial Real Estate. (Bất động sản)

Additional types of investment may be made with the approval of the Divisional and Global ALCO.

Các loại tài sản đầu tư khác có thể được thực hiện với sự chấp thuận của ALCO khu vực và toàn cầu.

Derivative products are permitted subject to appropriate approvals as outlined in the *MFC Derivatives Usage Policy*, approved by the Audit and Risk Management Committee.

Các sản phẩm phái sinh phải được chấp thuận đầu tư như nêu trong Chính sách đầu phái sinh do Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro phê duyệt.

Inter-Segment Notes, Asset Pooling and Look-thru Structures are permitted, subject to appropriate approvals as outlined in the *Guidelines for Internal*

Transactions Impacting Policy Liability Valuation (Inter-Segment Notes, Asset Pooling and Look-thru Structures). Generally, approval is required from the Chief Actuary, Chief Risk Officer and the Divisional ALCO. Inter-Segment Note use should be consistent with fixed income benchmarks on a portfolio basis. The underlying of an Asset Pooling or Look-thru Structure must be a permitted investment.

Các danh mục hồi phiếu, danh mục tài sản và cơ cấu tài sản được cho phép, tuân thủ các phê duyệt thích hợp như được nêu trong Hướng dẫn Giao dịch. Nói chung, việc đầu tư phải được sự phê duyệt của Giám đốc bộ phận định phí, Giám đốc bộ phận rủi ro và ALCO khu vực.

Permitted Investments by Segment

Vietnam Par – Post 2006
Vietnam Par – Pre 2006
Vietnam Non Par
Vietnam Pension
Vietnam Surplus VND
Vietnam Surplus USD

Liquid FI			Illiquid FI		NFI	
ST	LP	BO	PD	MO	EQ	RE
Y		Y			Y	Y
Y		Y			Y	Y
Y		Y			Y	Y
Y		Y			Y	Y
Y		Y			Y	Y
Y		Y			Y	Y

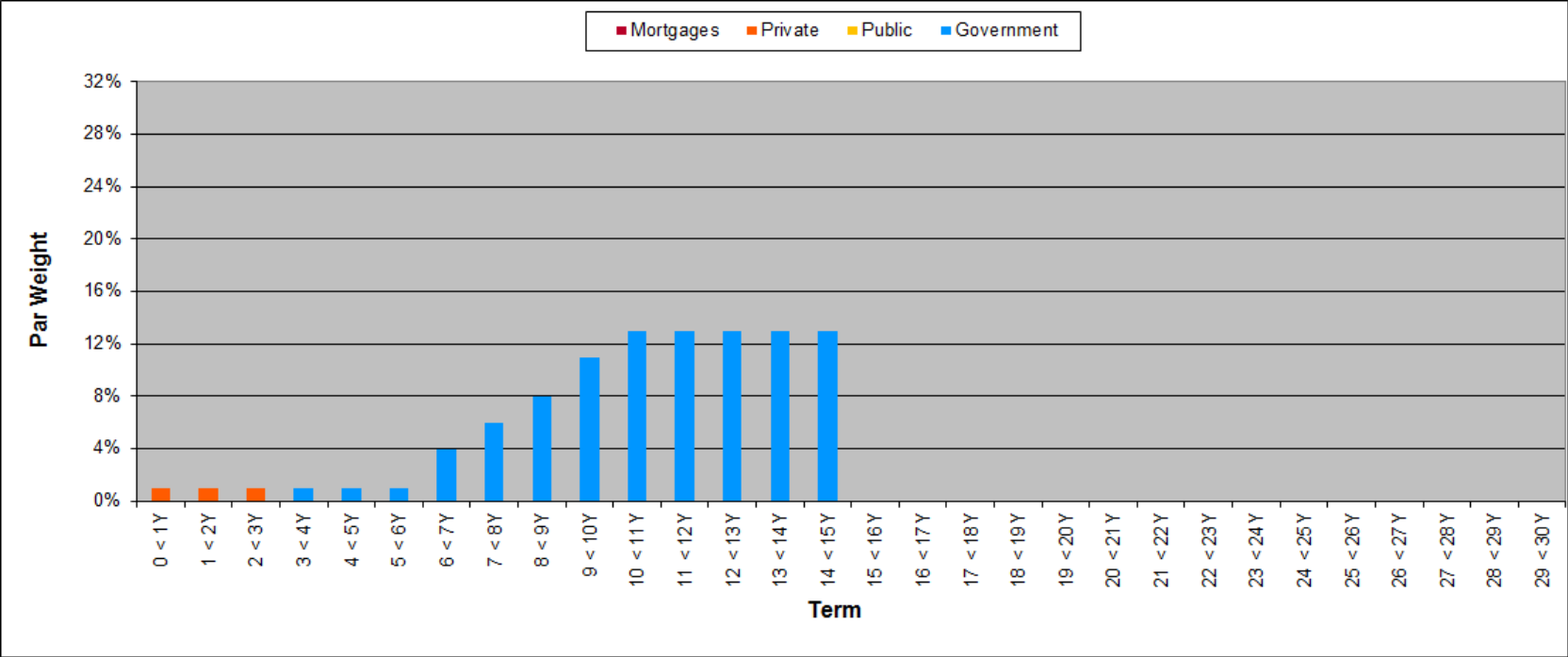
Appendix C – Segment Fixed Income Benchmarks/ Danh mục tham chiếu

The *Target Asset Mix and Asset Benchmark Policy* requires that asset benchmark(s) should be established for all segments and approved by the governing ALCO. Changes to asset benchmarks may, at the discretion require Global ALCO approval (at the discretion of the CRO).

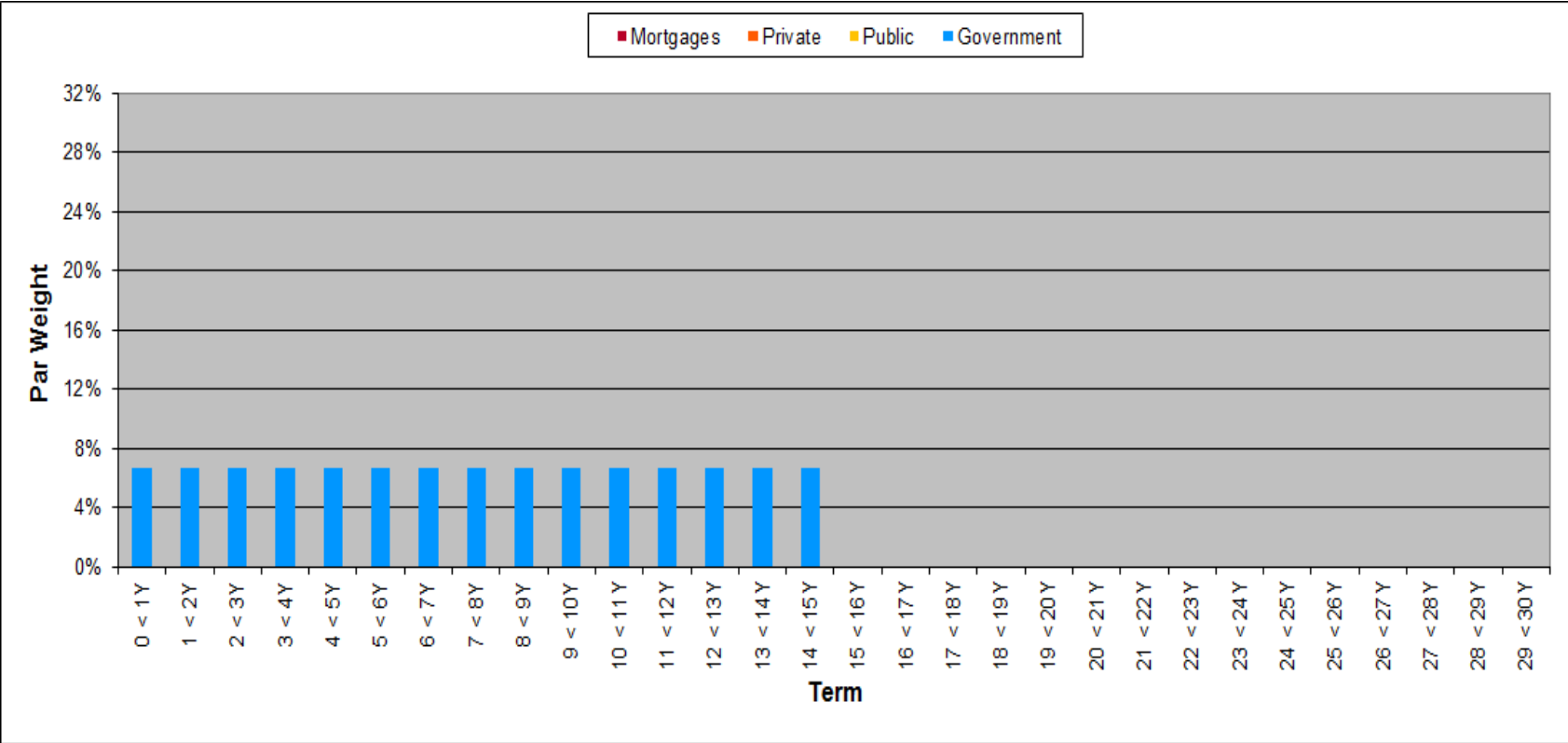
Chính sách Tham chiếu và Cơ cấu Tài sản yêu cầu phải thiết lập bảng tham chiếu tài sản cho tất cả các danh mục và được phê duyệt bởi Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có ALCO. Các thay đổi về tham chiếu tài sản, tùy theo quyết định, yêu cầu phải có sự chấp thuận của Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có Toàn cầu (theo quyết định của CRO).

Dynamically Matched Benchmarks are not illustrated in this section, as they are constantly changing based on actual sales. Các tham chiếu theo doanh thu không được minh họa trong phần này vì sẽ liên tục thay đổi dựa trên doanh thu thực tế.

Benchmark Name: **Vietnam Benchmark**



Benchmark Name: **Vietnam Pension Benchmark**



Benchmark Name: **Vietnam Runoff Benchmark**

